TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2017/DS-ST
Ngày: 04/7/2017
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Long Giao.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty D.

Trụ sở: Đường H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bạch M, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2017) (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1935

Địa chỉ: Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/3/2014 giữa Tổng công ty D và bà Lê Thị Ngọc N có ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông số 021194149-7 về việc hòa mạng điện thoại (internet) số IS01061689 tại địa chỉ Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sử dụng dịch vụ bà N còn nợ số tiền cước phí là 1.010.167 đồng. Tổng công ty D đã nhiều lần gửi giấy báo và cử nhân viên đến trực tiếp để đòi nợ nhưng bà N vẫn không thanh toán. Nay Tổng công ty D khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền cước còn nợ là 1.010.167 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà N vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của Tổng công ty D là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của Tổng công ty D, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ, do bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 8,Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thủ tục tố tụng: Tổng công ty D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Lê Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Tổng công ty D là công ty kế thừa của Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 88/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCC ngày 08/5/2015 về việc thành lập Tổng công ty D. Do đó, Tổng công ty D được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với giao dịch do Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh xác lập tại hợp đồng hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông số 021194149-7 ngày 07/3/2014. Hợp đồng dịch vụ có hình thức phù hợp với quy định của Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2005, việc giao kết hợp đồng này là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 389 của Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung của hợp đồng dịch vụ quy định việc cung ứng dịch vụ ADSL, lắp đặt gói cước Easy tại địa chỉ đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định tại các Điều 407, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó hợp đồng dịch vụ là cơ sở để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tổng công ty D đã lắp đặt xong 1 Modern cho bà Lê Thị Ngọc N, thể hiện tại biên bản nghiệm thu và bàn giao dịch vụ viễn thông ngày 09/3/2014. Vì thế, Tổng công ty D đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng dịch vụ. Theo bảng thông tin tra cứu về việc thanh toán của khách hàng Lê Thị Ngọc N từ tháng 02/2015 đến tháng 6/2015 thì bà N còn nợ Tổng công ty D số tiền là 1.010.167 đồng, mặc dù Tổng công ty D nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà N vẫn không thực hiện nên bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các Điều 4, Điều 6 của hợp đồng dịch vụ. Tổng Công ty D có quyền đơn phương

chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của hợp đồng dịch vụ. Nay Tổng công ty D khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền cước phí còn nợ là 1.010.167 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

Do bị đơn không đến Tòa nên tòa án không thu được các lời khai, tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 389, Điều 401, Điều 407, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty D.

Buộc bà Lê Thị Ngọc N có trách nhiệm thanh toán cho Tổng công ty D số tiền 1.010.167 (một triệu không trăm mười ngàn một trăm sáu mươi bảy) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho Tổng công ty D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 100.000 (một trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009081 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc